

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI DƯƠNG VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI DƯƠNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI DUONG VIETNAM CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110174721

3. Ngày thành lập: 08/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

DG06 – Lô 10 Khu đấu giá Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0766291076

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Dịch vụ thi công, phòng chống mối mọt, diệt các loại côn trùng, diệt chuột và bảo quản gỗ cho các công trình xây dựng (không bao gồm xông hơi khử trùng).	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

19.	Trồng lúa	0111
20.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
21.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây chè	0127
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
33.	Khai thác quặng sắt	0710
34.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
35.	Giáo dục nhà trẻ	8511
36.	Giáo dục mẫu giáo	8512
37.	Giáo dục tiểu học	8521
38.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
39.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
40.	Đào tạo sơ cấp	8531
41.	Đào tạo trung cấp	8532
42.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
43.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
44.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
45.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
48.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
50.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
51.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý)	7020
52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
56.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
57.	Hoạt động thú y	7500
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Bán buôn tổng hợp	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
64.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
67.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
68.	Sản xuất đường	1072
69.	Sản xuất chè	1076
70.	Sản xuất cà phê	1077
71.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
74.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
75.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
76.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
77.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
78.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
79.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
80.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
81.	In ấn	1811
82.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
83.	Sao chép bản ghi các loại	1820
84.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
85.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
86.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
87.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
88.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

89.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
90.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
91.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
92.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
93.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
94.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
95.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
96.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
97.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
98.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
99.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
100.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
101.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
102.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
103.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
104.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
105.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
108.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
109.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
110.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
111.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
112.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
113.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
114.	Đại lý du lịch	7911
115.	Điều hành tua du lịch	7912
116.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
117.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
118.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
119.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
120.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
121.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

122.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
123.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
124.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
125.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
126.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
127.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
128.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
129.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
130.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
131.	Thu gom rác thải độc hại	3812
132.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
133.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
134.	Xây dựng nhà để ở	4101
135.	Xây dựng nhà không để ở	4102
136.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
137.	Xây dựng công trình điện	4221
138.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
139.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
140.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
141.	Xây dựng công trình thủy	4291
142.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
143.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
144.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
145.	Phá dỡ	4311
146.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
147.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
148.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
149.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
150.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
151.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
152.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÔ BÁ THẢO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001076026211

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: DG06 – Lô 10 Khu đấu giá Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: DG06 – Lô 10 Khu đấu giá Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ BÁ THẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001076026211

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: DG06 – Lô 10 Khu đấu giá Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: DG06 – Lô 10 Khu đấu giá Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội